

Bản án số: 303/2024/DS-ST
Ngày 19 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chí Nhân

Ông Phạm Việt Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:** Ông Dương Tân Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; địa chỉ trụ sở: Số 40 – 42 – 44 PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc M – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông M: Ông Lê Trung V – Phó Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 3366/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023).

Người đại diện hợp pháp của ông Việt: Anh Nguyễn Anh V1 – Trưởng bộ phận xử lý nợ khu vực – Phòng xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 170C/QĐ-NHKL ngày 17/01/2024) (vắng mặt).

- **Bị đơn:**

1/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Ấp TL B, xã TD, huyện

ĐD, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Vuur Hồng Đ1, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Ấp TL B, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Đông D, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Số 41, đường NTT, k 8, p 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2024) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng trình bày: Ông Đ và bà Đ1 với Ngân hàng TMCP KL có ký kết hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 033/21/HĐHM/2001-7781 ngày 15/01/2021 và hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 033/21/HĐHM/2001-7781-1 ngày 17/01/2022 và hợp đồng tín dụng từng lần số 188/23/HĐTD/2001-7781 ngày 16/5/2023 để vay số tiền 1.100.000.000đ; mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 16/5/2023, ngày đến hạn 16/5/2024; lãi suất: 15,1%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất cơ sở ngắn hạn (lãi suất cơ sở kỳ hạn 12 tháng) theo quy định của ngân hàng tại thời điểm thay đổi giải ngân cộng 3,6%/năm; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm; hình thức thanh toán: Trả lãi hàng quý vào ngày 16, trả gốc cuối kỳ.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay gồm: Phần đất tại khóm 2, thị trấn Đàm Dơi, huyện Đàm Dơi thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 858519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho chị Nguyễn Thu H ngày 12/10/2018 (đã chỉnh lý trang tư cho ông Nguyễn Văn Đ).

Trong quá trình vay vốn ông Đ, bà Đ1 đã thanh toán cho ngân hàng được tổng số tiền 83.062.696đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà Đ1 trả số tiền 1.254.648.803đ, lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng và xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ trong trường hợp ông Đ, bà Đ1 không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, buộc ông Đ và bà Đ1 trả cho ngân hàng tổng số tiền vốn 1.100.000.000đ, lãi trong hạn

74.203.288đ; lãi chậm trả 3.514.830đ, lãi quá hạn 76.930.685, tổng cộng 1.254.648.803đ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp ông Đ, bà Đ1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Vuur Hồng Đ1 trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh V1, anh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh V1, anh D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Đ và bà Đ1 có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP KL để vay tiền. Đồng thời, ông Đ, bà Đ1 có ký kết tiếp hợp đồng thế chấp tài sản đối là các phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 858519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho chị Nguyễn Thu H ngày 12/10/2018 (đã chính lý trang tư cho ông Nguyễn Văn Đ) để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng là thực tế có xảy ra.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, chi phí phát sinh khi ngân hàng xử lý tài sản, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Đ, bà Đ1 nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 19/9/2024 ông Đ, bà Đ1 còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 1.100.000.000đ, lãi trong hạn 74.203.288đ; lãi chậm trả 3.514.830đ, lãi quá hạn 76.930.685, tổng cộng 1.254.648.803đ. Như vậy, việc ông Đ, bà Đ1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nay ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà Đ1 trả số tiền

1.254.648.803đ, anh D đồng ý. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của ngân hàng về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông Đ, bà Đ1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét về án phí dân sự và chi phí tố tụng: Ông Đ, bà Đ1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm, nhưng phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 157 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Vưu Hồng Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền 1.254.648.803 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm lẻ ba đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ, bà Vuur Hồng Đ1 không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là các phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 858519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho chị Nguyễn Thu H ngày 12/10/2018 (đã chỉnh lý trang tư cho ông Nguyễn Văn Đ) để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ngân hàng 23.410.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001366 ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4.2. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Vuur Hồng Đ1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Vuur Hồng Đ1 phải chịu chi phí xem xét tại chỗ là 300.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Vuur Hồng Đ1 phải có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh